**BÀI 66: ÔN TẬP – TỔNG KẾT**

1. **MỤC TIÊU:**
* Hệ thống hóa kiến thức đã học trong năm.
* Nắm chắc kiến thức cơ bản trong chương trình sinh học lớp 8.
* Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế.
* Tư duy tổng hợp kiến thức.
* Giáo dục ý thức hôc tập.
* Ý thức giữ gìn vệ sinh cơ thể tránh bệnh tật.
1. **NGHIÊN CỨU BÀI HỌC:**
2. **ÔN TẬP HKII:**

Hoàn thành các bảng 66-1, 66-2, 66-3, 66-4, 66-5, 66-6, 66-7, 66-8 SGK 207,208,209,210.

1. **TỔNG KẾT SINH HỌC 8:**

HS nghiên cứu thông tin SGK tr 211, 212.

1. **NỘI DUNG BÀI HỌC:**

**Bảng 66.1- Các cơ quan bài tiết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các cơ quan bài tiết** | **Sản phẩm bài tiết** |
| Phổi | CO2, hơi nước |
| Da | Mồ hôi |
| Thận | Nước tiểu ( cặn bã và các chất cơ thể dư thừa) |

**Bảng 66.2- Quá trình tạo thành nước tiểu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các giai đoạn chủ yếu trong quá trình tạo thành nước tiểu** | **Bộ phận thực hiện** | **Kết quả** | **Thành phần các chất** |
| **Lọc** | Cầu thận | Nước tiểu đầu | Nước tiểu đầu loãng:- ít cặn bã, chất độc.- còn nhiều chất dinh dưỡng |
| **Hấp thụ lại** | Ống thận | Nước tiểu chính thức | Nước tiểu đậm đặc các chất tan:- Nhiều cặn bã và chất độc.- Hầu như không còn chất dinh dưỡng |
| **Bài tiêt tiếp** |

**Bảng 66.3- Cấu tạo và chức năng của da**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các bộ phận của da | Các thành phần cầu tạo của da | Chức năng của từng phần |
| Lớp biểu bì | Tầng sừng( tế bào chết), TB biểu bì sống, các hạt sắc tố | Bảo vệ ngăn vi khuẩn, các hóa chất, ngăn tia cực tím. |
| Lớp bì | Mô liên kết sợi, trong đó các thụ quan, tuyến mồ hôi, tuyến nhờn, lông, cơ co chân lông, mạch máu | Điều hòa thân nhiệt, chống thấm nước, mềm da. Tiếp nhận các kích thích của môi trường |
| Lớp mỡ dưới da | Mỡ dự trữ | - Chống các tác động cơ học- cách nhiệt |

**Bảng 66.4- Cấu tạo và chức năng của các bộ phận thần kinh**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Các bộ phận của HTK | Não | Tiểu não | Tủy sống |
| Trụ não | Não trung gian | Đại não |
| Bộ phận trung ương | Chất xám | Các nhân não | Đối thị và nhân dưới đồi thị | Vỏ não ( các vùng thấn kinh) | Vỏ tủy não | Nằm giữa tủy sống thành cột liên tục |
| Chất trắng | Các đường dẫn truyền giữa não và tủy sống | Nằm xen giữa các nhân | Đường dẫn truyền nối 2 bán cầu đại não và với các phần dưới | Đường dẫn truyền nối vỏ tiểu não với các phần khác của hệ thần kinh | Bao ngoài cột chất xám |
| Bộ phận ngoại biên | Dây thần kinh não và các dây thần kinh đối giao cảm |  |  |  | Dây thần kinh tủy- DTK sinh dưỡng- HTK giao cảm |
| Điều khiển, điều hòa phối hợp hoạt động của các cơ quan, hệ cơ quan trong cơ thể bằng cơ chế | TW điều khiển và điều hòa các hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa. | TW điều khiển và điều hòa trao đổi chất, điều hòa thân nhiệt. | TW của PXCĐKĐiều khiển các hoạt động có ý thức, hoạt động tư duy | Điều hòa và phối hợp các cử động phức tạp | TW của các PXCĐK về vận động và sinh dưỡng |

**Bảng 66.5- Hệ thần kinh sinh dưỡng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Cấu tạo | Chức năng |
| Bộ phận TW | Bộ phận ngoại biên |
| HTK vận động | Não và tủy sống | DTK não và DTK tủy | Điều khiển hoạt động của hệ cơ xương |
| HTK sinh dưỡng | Giao cảm | Sừng bên tủy sống | Sợi trước hạch( ngắn) hạch giao cảmSợi sau hạch dài | Có tác dụng đối lập trong điều khiển hoạt động của các cơ quan sinh dưỡng |
| Đối giao cảm | Trụ não, đoạn cùng tủy | Sợi trước hạch (dài) hạch đối giao cảmSợi sau hạch ngắn |

**Bảng 66.6- Các cơ quan phân tích quan trọng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Thành phần cấu tạo |  |
|  | Bộ phận thụ cảm | Đường dẫn truyền | Bộ phận phân tích TW | Chức năng |
| Thị giác | Màng lưới | DTK thị giác( dây số II) | Vùng thị giác ở thùy chầm | Thu nhận kích thích ánh sáng từ vật |
| Thính giác | C ơ quan coocti | DTK thính giác ( dây số VIII) | Vùng thính giác ở thùy thái dương | Thu nhận kích thích của sóng âm thanh từ nguồn phát âm |

**ng 66.7- Chức năng của các thành phần cấu tạo mắt và tai**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Các thành phần cấu tạo | Chức năng |
| Mắt | - Màng cứng và màng giác- Màng mạch:+ Lớp sắc tố+ Lòng đen, đồng tử- Màng lưới+ TB que, TB nón+ TB thần kinh thị giác | - Bảo vệ cầu mắt và màng giác cho ánh sáng đi qua.- Giữ cho trong cầu mắt hoàn toàn tối không bị phản xạ ánh sáng.- Có khả năng điều tiết ánh sáng- TB que thu nhận kích thích ánh sáng. TB nón thu nhận kích thích màu sắc.- Dẫn truyền xung TK từ các TB thụ cảm về TW. |
| Tai | - Vành và ống tai- Màng nhĩ- Chuỗi xương tai- Ốc tai- cơ quan coocti- Vành bán khuyên | - Hứng và hướng sóng âm- Rung theo tần số của sóng âm.- Truyền rung động từ màng nhĩ vào màng cửa bầu- Tiêp nhận kích thích của sóng âm chuyển thành xung TK theo dây số VIII về trung khu thính giác- Tiếp nhận kích thích về tư thế và chuyển động trong không gian. |

**Bảng 66.8 – Tuyến nội tiết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tuyến nội tiết | Hoocmon | Tác dụng chủ yếu |
| *Tuyến yên*1. thùy trước2. thùy sau*Tuyến giáp**Tuyến tụy**Tuyến trên thận*1. Vỏ tuyến2. tủy tuyến*Tuyến sinh dục*1. nữ2. nam3. thể vàng4. nhau thai | - Tăng trưởng(GH)- TSH- LH- PRL- ADN- Oxitoxin- Tiroxin- insulin- glucagonAldosteronCooctizonAndrogenAdrenalin và nonadrenalinƠstrogenTestoteronProgestronHoocmon nhau thai | - Giúp cơ thể phát triển bình thường.- Kích thích tuyến giáp hoạt động- Kích thích buồng trứng tinh hoàn phát triển- Kích thích gây rụng trứng, tạo thể vàng- Kích thích TB kẽ sản xuất testoteron- Kích thích tuyến sữa hoạt động- Chống đái tháo nhạt- Gây co các cơ trơn, cơ co tử cung.- Điều hòa trao đổi chất- Biến đổi glucozo -> glicogen- Biến đổi glicogen -> glucozo- Điều hòa muối khoáng trong máu- Điều hòa glucozo trong máu- Thể hiện giới tính nam- Điều hòa tim mạch- điều hòa glucozo huyết- Phát triển giới tính nữ- Phát triển giới tính nam- Duy trì sự phát triển lớp niêm mạc tử cung và kìm hãm tuyến yên tiết FSH và LH- Tác động phối hợp với progestron của thể và trong giai đoạn 3 tháng đầu sau đó hoàn toàn thay thế thể vàng. |